

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Diên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà A, tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trương Văn B, sinh năm 1977 và chị Ngô Thị Hoàng O, sinh năm 1979; cùng cư trú tại: Tổ A, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh N.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do quen biết với nhau nên chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có nhiều lần vay tiền với bà, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 14/10/2017, chị O vay số tiền 50.000.000 đồng để chị O mua vải may quần áo bán; không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận thời gian trả tiền là ngày 14/02/2018 dương lịch. Tuy nhiên anh B và chị O chỉ trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng đến nay chưa trả;

- Lần 2: Ngày 01/12/2018, chị O vay 70.000.000 đồng để anh B mua dụng cụ sửa chữa điện; không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ, kể từ ngày 01/12/2018;

- Lần 3: Ngày 16/11/2018 dương lịch, chị O và anh B vay số tiền 110.000.000 đồng để mua dụng cụ sửa chữa điện; không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền, nhưng anh B và chị O có thỏa thuận miệng trong vòng 02 tuần làm điện xong sẽ trả đủ tiền cho bà.

Tổng cộng số tiền anh B và chị O đã vay của bà là 230.000.000 đồng, đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền bà cho chị O, anh B vay là tiền do bà tích lũy có được. Những lần anh B và chị O vay tiền của bà, anh B và chị O vay tiền đều có viết và ký giấy nợ. Cụ thể nội dung trong “giấy tay mượn nợ hụi” số tiền 70.000.000 đồng và “giấy tay mượn nợ” ngày 14/10/2017 số tiền 50.000.000 đồng do chị O viết, ký nhận, lấn tay; “giấy mượn nợ” ngày 16/11/2018 dương lịch số tiền 110.000.000 đồng do anh B viết và anh B, chị O cùng ký nhận, lấn tay. Hai khoản tiền 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng chị O ký nhận, anh B có biết do anh B có điện thoại cho bà và hẹn sẽ ký giấy nợ sau, nhưng đến nay anh B cũng không ký giấy nợ cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chị O và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ kiện, bà tạm tính đến ngày 20/7/2020 là 24.512.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 224.512.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 6 năm 2020, biên bản hòa giải và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Ngô Thị Hoàng O trình bày:

Khoảng năm 2016 chị có vay của bà L 10.000.000 đồng để mua vải may quần áo bán. Khi vay tiền không làm giấy tờ, không thỏa thuận thời gian trả tiền, thỏa miệng lãi suất 10%/tháng. Trong thời gian này chị có tham gia 10 phần hụi ngày 50.000 đồng, số người tham gia 30 người do bà L làm chủ thảo, hụi khai ngày tháng cụ thể nào không nhớ. Chị đã lĩnh hụi được 12.500.000 đồng, bà L giao đủ tiền hụi cho chị và hụi cũng đã kết thúc, chị không còn lưu giữ giấy tờ gì về hụi.

Sau đó, do không có khả năng đóng tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng và tiền hụi của dây hụi nêu trên, nên bà L yêu cầu chị viết và ký giấy tay mượn nợ số tiền 50.000.000 đồng. Khi ký giấy nợ 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất mỗi ngày 400.000 đồng, trả tiền lãi trong vòng 04 tháng. Tuy nhiên, do không có tiền trả tiền lãi nên bà L tiếp tục yêu cầu chị ký giấy mượn

nợ số tiền 70.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) và thỏa thuận trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng chị vẫn không có tiền để trả cho bà L. Đến tháng 11/2018, bà L yêu cầu vợ chồng chị cùng ký giấy chốt lại số tiền nợ vay gốc, tiền hui và tiền lãi tổng cộng là 110.000.000 đồng, chị không xác định được bao nhiêu là tiền gốc và bao nhiêu tiền lãi. Khi viết và ký giấy nợ, vợ chồng chị có thỏa thuận miệng với bà L trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 110.000.000 đồng và bà L không tính tiền lãi. Vợ chồng đã trả tiền cho bà L từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2020 thì ngưng, số tiền đã trả là 59.500.000 đồng, còn nợ lại 50.500.000 đồng vợ chồng chị có xin bà L gia hạn thời gian trả nợ nhưng bà L không đồng ý và khởi kiện tại tòa án. Việc chị trả tiền cho bà L chị có tự ghi chú lại, ngoài ra không có chứng cứ nào khác để chứng minh.

Giấy tay mượn nợ hui số tiền 70.000.000 đồng và giấy tay mượn nợ ngày 14/10/2017 số tiền 50.000.000 đồng do chị viết và ký tên, lẫn tay xác nhận, khi chị ký 02 giấy nợ này thì anh B hoàn toàn không biết. Giấy mượn nợ ngày 16/11/2018 DL số tiền 110.000.000 đồng do anh B viết, vợ chồng chị cùng lẫn tay, ký tên xác nhận. Tất cả 03 giấy nợ đều được viết tại nhà bà L, không có ai khác chứng kiến và bà L là người giữ bản gốc các giấy nợ nêu trên.

Nay chị chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 50.500.000 đồng, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L và không trả tiền lãi, vì khi ký giấy nợ 110.000.000 đồng các bên thỏa thuận miệng không tính tiền lãi và trong số tiền 110.000.000 đồng đã bao gồm tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 6 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn B trình bày:

Từ trước đến nay anh không trực tiếp giao dịch vay tiền với bà L. Còn chị O giao dịch vay tiền, nợ tiền bà L cụ thể như thế nào, từ thời gian nào anh hoàn toàn không biết. Sau đó, anh biết chị O nợ tiền hui bà L khoảng 17.000.000 đồng, nên anh lĩnh (hót) 01 phần hui 1.000.000 đồng, khai 02 lần/01 tháng do bà L làm chủ thảo vào năm 2017 để trừ số tiền hui trên và bà L đưa lại cho anh khoảng 1.000.000 đồng. Dây hui này đã kết thúc, anh không còn lưu giữ giấy tờ, nên không có chứng cứ chứng minh.

Tháng 11/2017 bà L có yêu cầu vợ chồng anh cùng ký giấy chốt nợ số tiền là 110.000.000 đồng, anh không xác định được bao nhiêu tiền gốc và tiền lãi. Khi viết và ký giấy nợ này, vợ chồng anh có thỏa thuận miệng với bà L trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ và bà L không tính tiền lãi.

Giấy mượn nợ ngày 16/11/2018 DL số tiền 110.000.000 đồng do anh viết, vợ chồng anh cùng lẫn tay, ký tên xác nhận, giấy được viết tại nhà bà L, không có ai khác chứng kiến. Tuy nhiên, trong giấy nợ này có chỉnh sửa nội dung “ngày” và “năm”, cụ thể năm tôi ký giấy nợ là 2017, nhưng trong giấy nợ sửa thành 2018, ngày 13 sửa thành ngày 16, chữ số được sửa trong giấy nợ bà L cung cấp cho Tòa án không phải của anh. Ngoài ra phía cuối giấy nợ có 02 chữ

“*làm vốn*” không phải chữ do anh viết. Anh không biết ai là người chỉnh sửa các nội dung nêu trên do bà L là người giữ bản gốc giấy nợ. Anh không yêu cầu giám định giấy nợ, vì chữ ký và dấu lấn tay trong giấy nợ anh xác định là do anh và chị O ký nhận.

Nay anh chỉ đồng ý cùng chị O trả cho bà L số tiền 50.500.000 đồng và không trả tiền lãi, vì khi ký giấy nợ 110.000.000 đồng các bên đã thỏa thuận miệng không tính tiền lãi và trong số tiền 110.000.000 đồng đã bao gồm tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Chị O và anh B 03 lần ký giấy nhận nợ với bà, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/12/2016, chị O ký giấy nhận nợ hui số tiền 70.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày 14/10/2017, chị O ký vay số tiền 50.000.000 đồng để mua vải may quần áo bán;

- Lần 3: Ngày 16/11/2018 dương lịch, chị O và anh B ký vay số tiền 110.000.000 đồng để mua dụng cụ sửa chữa điện.

Tổng cộng số tiền nợ là 230.000.000 đồng, anh B và chị O đã trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng.

Do trong quá trình giải quyết vụ án có chỉnh sửa thời gian ký giấy nợ hui 70.000.000 đồng từ ngày 01/12/2016 thành ngày 01/12/2018 nên bà trình bày các lần ký nhận nợ không đúng thứ tự, nay bà xác định lại cho chính xác và yêu cầu chị O, anh B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng; bà rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính tiền lãi của khoản nợ 200.000.000 đồng.

Bị đơn chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B trình bày: Anh chị giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không thừa nhận có việc vay 230.000.000 đồng và trả 30.000.000 đồng cho bà L. Anh chị xác định chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trong 03 giấy nợ bà L cung cấp là của anh chị, trong các giấy nợ có sự chỉnh sửa về thời gian ký nhận nhưng anh chị không yêu cầu giám định vì chữ ký, dấu lấn tay trong các giấy nợ là của anh chị. Anh B xác định giấy mượn nợ số tiền 110.000.000 đồng do anh và chị O ký nhận năm 2018.

Anh chị yêu cầu bà L cung cấp giấy tờ hui của khoản nợ hui 70.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền gốc 50.500.000 đồng, không đồng ý trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ

tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Chứng cứ bà Nguyễn Thị L cung cấp là 03 giấy nợ gốc do chị O, anh B tự viết và ký nhận tại các bút lục số 25, 26, 27 trong hồ sơ vụ án với số tiền nợ tổng cộng là 230.000.000 đồng. Bà L xác định chị O và anh B đã trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng, nên bà yêu cầu chị O và anh B trả số tiền này và không yêu cầu tính tiền lãi.

Chị O và anh B cho rằng trong số tiền 110.000.000 đồng anh chị ký nhận với bà L ngày 16/11/2018 bao gồm hai khoản nợ 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng. Từ khi ký giấy nợ này, anh chị đã trả cho bà L được 59.500.000 đồng, còn nợ lại 50.500.000 đồng. Tuy nhiên, anh chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh chị trình bày là có cơ sở.

Đối với giấy tay mượn nợ hui 70.000.000 đồng, các bên thừa nhận có sự chỉnh sửa từ năm 2016 thành năm 2018, chị O xác định không phải do chị chỉnh sửa, nhưng tại bản phô tô giấy nợ bà L nộp kèm theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 tại Tòa án thể hiện năm ký nhận nợ là “2016”. Do đó, việc chị O cho rằng sau khi ký giấy nợ 50.000.000 đồng ngày 14/10/2017, do không có tiền trả tiền lãi nên các bên cộng dồn tiền thành 70.000.000 đồng vào ngày 01/12/2016 là không có cơ sở, không phù hợp logic về thời gian.

Từ những nhận định trên, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B. Buộc chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà L tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về số tiền, nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà L.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tiền nợ gốc:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, thấy rằng: Bà L cung cấp chứng cứ là 03 bản gốc “*Giấy tay mượn nợ*” số tiền 50.000.000 đồng ngày 14/10/2017 do chị O ký nhận, lẫn tay; “*Giấy tay mượn nợ hui*” số tiền 70.000.000 đồng ngày 01/12/2016 do chị O ký, lẫn tay và “*Giấy mượn nợ*” số tiền 110.000.000 đồng ngày 16/11/2018 do chị O và anh B ký, lẫn tay (các bút lục số 25, 26, 27), tổng cộng số tiền là 230.000.000 đồng. Anh B, chị O đã trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng ký nhận ngày 14/10/2017, còn nợ lại 200.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị O và anh B thừa nhận nội dung trong 03 giấy nợ bà L cung cấp do anh chị viết, ký tên và lặn tay xác nhận nên anh chị không yêu cầu giám định các giấy nợ. Tuy nhiên, anh chị không thừa nhận có việc vay 230.000.000 đồng và trả 30.000.000 đồng như bà L trình bày. Anh chị cho rằng số tiền chị O vay bà L là 10.000.000 đồng vào khoảng năm 2016, do không có tiền trả tiền lãi, nên chị O tham gia góp hụi ngày do bà L làm chủ thảo, sau khi cộng dồn tiền vay, tiền lãi và tiền hụi chị O ký giấy mượn nợ số tiền 50.000.000 đồng, sau đó các bên tiếp tục cộng dồn tiền thành 70.000.000 đồng và 110.000.000 đồng. Từ khi ký giấy chốt nợ số tiền 110.000.000 đồng, anh chị đã trả cho bà L được 59.500.000 đồng, còn nợ lại 50.500.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà L. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì anh chị không có chứng cứ nào để chứng minh.

[1.2] Anh chị yêu cầu xác minh người làm chứng là chị Trần Thị H (tên gọi khác: H), tuy nhiên qua xác minh chị H xác định chị không trực tiếp chứng kiến việc giao dịch vay tiền giữa chị O và bà L, chị chỉ nghe chị O nói lại việc vay tiền bà L và trả dần hàng tháng, nhưng cụ thể chị O vay và trả tiền hàng tháng cho bà L bao nhiêu, thời gian trả tiền khi nào chị hoàn toàn không biết. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của chị H là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[1.3] Đối với “giấy tay mượn nợ hụi” 70.000.000 đồng (bút lục số 27), các bên đương sự xác nhận có chỉnh sửa thời gian về số năm, từ năm 2016 thành năm 2018. Bà L cho rằng người chỉnh sửa là chị O, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh và chị O cũng không thừa nhận. Căn cứ bản phô tô giấy nợ do bà L nộp kèm theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 tại Tòa án khi chưa chỉnh sửa là năm 2016 và tại phiên tòa, bà L xác định thời gian ký giấy nợ chính xác là năm “2016”. Việc chị O cho rằng sau khi ký giấy nợ 50.000.000 đồng ngày 14/10/2017, do không có tiền trả nợ nên chị mới tiếp tục ký giấy nhận nợ số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 01/12/2016 là không phù hợp về mặt thời gian và không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, anh B yêu cầu bà L cung cấp giấy tờ liên quan số tiền nợ hụi nhưng bà L không cung cấp với lý do chị O đã ký xác nhận nợ với bà, nên bà không còn lưu giữ giấy tờ liên quan dây hụi này. Xét thấy, giấy tay mượn nợ hụi do chị O viết, ký nhận và lặn tay mà bà L cung cấp có nội dung *“tôi tên Ngô Thị Hoàng O... có mượn của chị Nguyễn Thị L... số tiền 70.000.000 đồng, tôi sinh trả 1 tháng 5 triệu chẳng mỗi tháng đến 14 tháng sao là hết nợ của chị kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016 trở đi...”* phù hợp với lời trình bày của bà L về giao dịch góp hụi.

[1.4] Anh B cho rằng lúc đầu không biết việc vay tiền giữa chị O và bà L. Tuy nhiên, sau khi biết sự việc thì anh có hốt 01 phần hụi để trả nợ cho bà L và đồng thời năm 2018 anh cũng đồng ý cùng chị O ký giấy nhận nợ số tiền 110.000.000 đồng cho bà L. Mặt khác, chị O trình bày chị vay tiền và góp hụi với bà L để mua vải may quần áo bán nhằm có thêm thu nhập phụ giúp kinh tế gia đình, không tiêu xài cá nhân và khoản tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh và chị O, nên căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều

37 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở buộc anh B cùng chị O có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà L.

[1.5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L: Buộc chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B trả tiền lãi của khoản nợ 200.000.000 đồng tạm tính đến ngày 20/7/2020 là 24.512.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà L.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”.

Buộc chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (0,83%/tháng)

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B trả số tiền lãi tính đến ngày 20/7/2020 là 24.512.000 (hai mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004163 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, chị Ngô Thị Hoàng O và anh Trương Văn B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

